

### Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

#### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Phương pháp đánh giá: đạt/không đạt

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

#### BIỂU ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT VỀ KỸ THUẬT

STT	Nội dung	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Số lượng	1.500 tấn	<1.500 tấn
2	Địa điểm cung cấp	<b>Điểm kho ĐK4.KV10 (Kho Hòa Khương). Địa chỉ: Thôn Cẩm Toại Trung, xã Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng</b>	Không đáp ứng
3	Về tiến độ cung cấp		
3.1	Thời gian thực hiện hợp đồng	Tối đa 50 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, đồng thời đảm bảo hoàn thành nhập gạo vào kho dự trữ quốc gia tối đa đến hết ngày 31/10/2025.	Không đáp ứng
3.2	Thời gian thực hiện gói thầu	Tối đa 50 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, đồng thời đảm bảo hoàn thành nhập gạo vào kho dự trữ quốc gia tối đa đến hết ngày 31/10/2025.	Không đáp ứng
4	Yêu cầu kỹ thuật		
4.1	Loại gạo	- Gạo hạt ngắn hoặc hạt dài (*), loại 15% tấm. - Nhà thầu phải cam kết cung cấp gạo theo loại hình hạt (ngắn hoặc dài) cho từng gói thầu.	Không đáp ứng một trong các tiêu chí theo yêu cầu
4.2	Xuất xứ, năm sản xuất	- Được xay xát từ thóc thu hoạch năm 2025, xuất xứ trong nước.	Không đáp ứng

4.3	Yêu cầu cảm quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu sắc: Màu trắng, đặc trưng cho từng giống, từng loại gạo và không bị biến màu.</li> <li>- Mùi, vị: Có mùi thơm đặc trưng của từng giống, từng loại gạo; không có mùi, vị lạ.</li> <li>- Tạp chất: Không có tạp chất lạ.</li> <li>- Đánh bóng: Sạch cám, bề mặt hạt gạo bóng.</li> <li>- Sinh vật hại: Gạo nhập kho không bị nấm mốc, không có côn trùng sống và sinh vật hại nhìn thấy bằng mắt thường.</li> </ul>	Không đáp ứng một trong các tiêu chí theo yêu cầu
4.4	<b>Chỉ tiêu chất lượng</b>		
4.4.1	Khối lượng tấm (% khối lượng)	$\leq 15\%$	$> 15\%$
4.4.2	Tỷ lệ hạt theo chiều dài (% khối lượng) (*)		
(4.4.2a)	Tỷ lệ hạt theo chiều dài (% khối lượng) của gạo hạt dài	Hạt ngắn ( $L < 6,0 \text{ mm}$ ) $< 30\%$	Không đáp ứng
(4.4.2b)	Tỷ lệ hạt theo chiều dài (% khối lượng) của gạo hạt ngắn	Hạt ngắn ( $L < 6,0 \text{ mm}$ ) $> 70\%$	Không đáp ứng
4.4.3	Thành phần của hạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạt nguyên <math>\geq 50\%</math></li> <li>- Tấm:</li> <li>+ Kích thước (mm): (0,35 - 0,65) L</li> <li>+ Tấm <math>\leq 15\%</math></li> <li>+ Tấm nhỏ <math>\leq 0,5\%</math></li> </ul>	Không đáp ứng một trong các tiêu chí theo yêu cầu
4.4.4	Các loại hạt (% khối lượng)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hạt đỏ + hạt sọc đỏ + hạt xay xát dối không lớn hơn 5%</li> <li>- Hạt vàng không lớn hơn 0,5%</li> <li>- Hạt bạc phần không lớn hơn 7%</li> <li>- Hạt bị hư hỏng không lớn hơn 1,5%</li> <li>- Hạt gạo nếp không lớn hơn 2,0%</li> <li>- Hạt xanh non không lớn hơn 0,3%</li> </ul>	Không đáp ứng một trong các tiêu chí theo yêu cầu
4.4.5	Tạp chất (% khối lượng)	Không lớn hơn 0,2%	Lớn hơn 0,2%
4.4.6	Thóc lẫn	Số lượng không lớn hơn 7 hạt/kg	Số lượng lớn hơn 7 hạt/kg
4.4.7	Độ ẩm (% khối lượng)	$\leq 14\%$	$> 14\%$
4.4.8	Mức xát	Kỹ	Không đáp ứng
4.4.9	Dư lượng tối đa thuốc bảo vệ thực vật	<ul style="list-style-type: none"> <li>01. Azoxystrobin <math>\leq 5 \text{ mg/kg}</math></li> <li>02. Carbaryl <math>\leq 1 \text{ mg/kg}</math></li> <li>03. Chlorpyrifos – Methyl <math>\leq 0,1 \text{ mg/kg}</math></li> <li>04. Chlorantraniliprole <math>\leq 0,4 \text{ mg/kg}</math></li> <li>05. Clothianidin <math>\leq 0,5 \text{ mg/kg}</math></li> </ul>	Không đáp ứng một trong các tiêu chí theo yêu cầu

		<p>06. Cyhalothrin (bao gồm lambda-Cyhalothrin) <math>\leq 1</math> mg/kg</p> <p>07. Cypermethrins (bao gồm alpha và beta – Cypermethrin) <math>\leq 2</math> mg/kg</p> <p>08. Diflubenzuron <math>\leq 0,01</math> mg/kg</p> <p>09. Dinotefuran <math>\leq 8</math> mg/kg</p> <p>10. Etofenprox <math>\leq 0,01</math> mg/kg</p> <p>11. Fenthion <math>\leq 0,05</math> mg/kg</p> <p>12. Imazapic <math>\leq 0,05</math> mg/kg</p> <p>13. Iprodione <math>\leq 10</math> mg/kg</p> <p>14. Mesotrione <math>\leq 0,01</math> mg/kg</p> <p>15. Tebuconazole <math>\leq 1,5</math> mg/kg</p> <p>16. Tebufenozide <math>\leq 0,1</math> mg/kg</p> <p>17. Thiacloprid <math>\leq 0,02</math> mg/kg</p> <p>18. Trifloxystrobin <math>\leq 5</math> mg/kg</p>	
4.4.10	Giới hạn tối đa hàm lượng kim loại nặng cho phép	<p>- Hàm lượng cadimi <math>\leq 0,4</math> mg/kg</p> <p>- Hàm lượng asen <math>\leq 1,0</math> mg/kg</p> <p>- Hàm lượng chì <math>\leq 0,2</math> mg/kg</p>	Không đáp ứng một trong các tiêu chí theo yêu cầu
4.4.11	Giới hạn tối đa độc tố vi nấm cho phép	<p>- Hàm lượng aflatoxin B<sub>1</sub> <math>\leq 5</math> <math>\mu</math>g/kg</p> <p>- Hàm lượng aflatoxin tổng số <math>\leq 10</math> <math>\mu</math>g/kg</p>	Không đáp ứng một trong các tiêu chí theo yêu cầu
4.4.12	Bao bì đóng gói	Gạo dự trữ quốc gia được đóng tịnh 50 kg/bao. Bao chứa gạo được dệt từ loại sợi Polypropylen (PP) màu trắng, đầu bao được may bằng hai đường chỉ trắng. Bao chứa gạo phải mới, bền chắc, khô sạch không mốc, không nhiễm sâu, mọt, hóa chất, không có mùi lạ; khối lượng một vỏ bao ( $120 \pm 10$ ) g	Không đáp ứng một trong các tiêu chí theo yêu cầu
4.5	<b>Giấy xác nhận chất lượng (Chứng thư giám định)</b>	<p>- Giấy xác nhận chất lượng do các tổ chức giám định có đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực giám định, được bộ, ngành cấp Giấy chứng nhận hoạt động giám định mặt hàng gạo, ngũ cốc và thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận còn hiệu lực pháp lý theo quy định tại Nghị định 107/2016/NĐ-CP, ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.</p> <p>- Các nội dung giám định bao gồm đầy đủ các nội dung quy định trong hợp đồng với khách hàng cung cấp gạo như: Loại gạo, xuất xứ, năm sản xuất, quy cách bao bì đóng gói, khối lượng lô gạo, chất lượng gạo (gồm chỉ tiêu cảm quan, chỉ tiêu chất lượng và an toàn thực phẩm).</p> <p>- Một chứng thư giám định chất lượng áp dụng cho một lô gạo có khối lượng không vượt quá 1.500 tấn. Thời gian giám định và cấp chứng thư giám định chất lượng thực hiện sau khi hợp đồng mua bán được ký</p>	Không đáp ứng một trong các tiêu chí theo yêu cầu

		kết. Khi lô gạo chuyển đến nhập kho, phải kèm theo chứng thư giám định chất lượng.	
--	--	--	--

(\* Ghi chú: Nhà thầu chào cụ thể loại gạo, tỷ lệ hạt theo chiều dài (% khối lượng) tương ứng đối với từng loại gạo hạt ngắn hoặc hạt dài mà nhà thầu cung cấp.

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xếp hạng nhà thầu: E-HSMT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

#### **Ghi chú:**

Đấu thầu mua gạo nhập kho DTQG năm 2025 không tính ưu đãi để so sánh, xếp hạng nhà thầu theo quy định tại Công văn 875/CDT-TCQLH, ngày 17/7/2025 của Cục Dự trữ Nhà nước.